

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2024
Về việc: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lò Thị Quỳnh.
- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bằng Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lò Văn P kết hôn với nhau từ ngày 09/3/2016 do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và phương pháp nuôi dạy con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khi anh P không tú tữ làm ăn mà thường xuyên bỏ nhà đi đâu chị H không biết. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh **Lò Văn P.**

Về con chung: Có 01 con chung cháu **Lò Mai A**, sinh ngày 27/11/2016 chị **Nguyễn Thị H** xin được trực tiếp nuôi con cháu **Lò Mai A** cho đến khi trưởng thành vì anh **Lò Văn P** thường xuyên không có mặt ở nhà, thỉnh thoảng về thăm con rồi lại đi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu anh **Lò Văn P** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về phía bị đơn anh **Lò Văn P**: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La triệu tập nhiều lần và niêm yếu công khai: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh **P** vắng mặt không có lý do. Vì vậy, trong vụ án này bị đơn anh **Lò Văn P** không thể hiện được yêu cầu gì đối với yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung của phía nguyên đơn.

3. Chứng cứ do Tòa án thu thập:

Tại Xác nhận thông tin nơi cư trú **Công an xã C** thể hiện: Anh **Lò Văn P** hiện đăng ký hộ khẩu tại **bản P, xã C, thành phố S.**

Biên bản xác minh ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đối với ông **T** bản, bản **Phiêng Ngùa, xã C** và đại diện gia đình của anh **Lò Văn P** thể hiện: Anh **Lò Văn P** sinh sống tại **bản P, xã C, thành phố S**, nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không ai biết, thỉnh thoảng anh **P** có về địa phương thăm gia đình. Vợ chồng anh **P**, chị **H** mâu thuẫn như thế nào hay có nợ chung không, chính quyền địa phương và gia đình không nắm được. Việc Tòa án nhân dân thành phố Sơn La thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh **P** và chị **H**, gia đình đã thông báo cho anh **P** biết, nhưng anh **P** không có ý kiến gì.

Biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên từ đủ 7 tuổi, cháu **Lò Mai A** trình bày: Cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị **Nguyễn Thị H.**

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh **Lò Văn P** trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh **Lò Văn P** vẫn vắng mặt nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Lò Văn P** là phù hợp với quy định tại Điều 207, Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh **Lò Văn P**; Giao cháu **Lò Mai A**, sinh ngày 27/11/2016 cho chị **Nguyễn Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu **Lò Mai A** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét đơn của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H**, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh **Lò Văn P**, anh **P** có hộ khẩu thường trú tại **bản P, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La**. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Lò Văn P** thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không chấp hành quyết định của Tòa án. Tòa án tiến hành niêm yết không khai các thủ tục tố tụng tại trụ sở **Ủy ban nhân dân xã C**, nơi cư trú của bị đơn hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh **Lò Văn P** vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Lò Văn P** tự nguyện kết hôn và đã được **UBND xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La** cấp giấy chứng nhận kết hôn. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó, chị **H** và anh **P** là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong việc giáo dục con cái. Chị **H** và anh **P** đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **P** mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, xử cho chị **H** được ly hôn với anh **P**.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lò Văn P có 01 con chung là cháu Lò Mai A, sinh ngày 27/11/2016. Nay ly hôn chị Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Lò Mai A. Cháu Lò Mai A có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy, hiện tại cháu Lò Mai A còn nhỏ, chị H có công việc ổn định, có thu nhập, bị đơn anh Lò Văn P thường xuyên vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến gì trước yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao con chung là cháu Lò Mai A, sinh ngày 27/11/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Lò Mai A đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, tài sản riêng: Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chi án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Mai A, sinh ngày 27/11/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lò Mai A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002059 ngày 14/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- UBND xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phụng

